SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai; Thời gian ký: 01/02/2023 10:15:34 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 431/KH-UBND	*Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số và cải thiện chỉ số DTI tỉnh Lào Cai năm 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh năm 2023.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Gắn nhiệm vụ chuyển đổi số với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Lựa chọn các mục tiêu, nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

- Việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, gắn với việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng; phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chủ yếu: 23 mục tiêu quan trọng, gồm:

TT	Mục tiêu	Hiện trạng	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu đến 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình[1]	100%	100%		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	VPUBND tỉnh; Sở TT&TT
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình[2]	65% (mức 3, mức 4)	70%		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	VPUBND tỉnh; Sở TT&TT
3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến[3]	30%	33%		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	VPUBND tỉnh; Sở TT&TT
4	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng	89%	95%	90%	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	Sở TT&TT
5	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng	88%	95%	80%	Các cơ quan, đơn vị cấp huyện	Sở TT&TT
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng	93%	95%	80%	UBND các cấp xã	Sở TT&TT
7	Tỷ lệ khối lượng công việc của hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh được thực hiện thông qua môi trường số và hệ		20%	50%	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông

[1] Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về TTHC, việc thực hiện và giải quyết TTHC đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ BCCI. Tỷ lệ DVCTT toàn trình: Được tính bằng số lượng DVCTT toàn trình đang cung cấp trên tổng số TTHC đủ điều kiện để cung cấp thành DVCTT toàn trình.

[2] Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: Được tính bằng số lượng hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình trên tổng số hồ sơ gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của các DVCTT toàn trình.

[3] Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: Được tính bằng số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh của các TTHC có yêu cầu thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính.

	thống thông tin của cơ quan quản lý					
8	Tỷ lệ khối lượng công việc của hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		15%	50%	Các cơ quan, đơn vị cấp huyện	Thanh tra tỉnh, Sở TT&TT
9	Báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh (theo quy định của UBND tỉnh về chế độ báo cáo) đáp ứng yêu cầu được thực hiện trực tuyến; có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ					
-	Báo cáo của UBND tỉnh có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ *(dữ liệu tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh)*		100%	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
-	Báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ BC)* được tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh		80%	100%	VPUBND tỉnh; Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
-	Báo cáo được các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhập dữ liệu phục vụ báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ báo cáo)*		80%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT
10	Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin	23%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT

11	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.	49,9%	55%	80%	Sở TT&TT	UBND cấp huyện; DN viễn thông
12	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh.	51%	55%	100%	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
13	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số.	18%	25%	50%	Sở Công thương, Sở KH&ĐT	Sở TT&TT; Các DN, Hiệp hội DN
14	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử	100%	100%	100%	Cục Thuế tỉnh	Sở TT&TT; Các DN, Hiệp hội DN
15	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử (bao gồm cả dịch vụ mobile money)	79%	80%	80%	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện; DN cung cấp DV
16	Tỷ lệ người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản và có kỹ năng, kiến thức cơ bản về ATTT để tự bảo vệ mình và người thân	2%	10%	70%	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
17	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	76%	90%	100%	Sở Y tế	UBND cấp huyện
18	Trường học, bệnh viện áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt					
-	Tỷ lệ Trường học, bệnh viện có cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	54% trường học; 100% bệnh viện	100%	100%	Sở Y tế; Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện
-	Tỷ lệ người bệnh, học sinh sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt		50%		Sở Y tế; Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện

19	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có học bạ điện tử	100%	100%	100%	Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện
20	Tỷ lệ trường học, cơ sở giáo dục triển khai sổ liên lạc điện tử	29%	50%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện
21	Thông tin quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị được công khai trên mạng để hỗ trợ tra cứu thông tin	Thông tin quy hoạch chung đạt 100%; thông tin quy hoạch chi tiết đạt 20%	Thông tin quy hoạch chung đạt 100%; thông tin quy hoạch chi tiết đạt 30%	100%	Sở GTVT - Xây dựng	UBND cấp huyện
22	Xây dựng CSDL đất đai và quản lý tích hợp hệ thống thông tin đất đai, đưa vào quản lý, vận hành, cập nhật khai thác thông tin trên môi trường mạng.					
-	Số lượng địa phương cấp huyện xây dựng CSDL đất đai và quản lý tích hợp hệ thống thông tin đất đai	8/9	9/9		Sở TN&MT	UBND cấp huyện
-	Số lượt người dùng truy cập sử dụng, khai thác thông tin từ CSDL đất đai trên môi trường mạng		1 triệu lượt		Sở TN&MT	UBND cấp huyện
23	Sản phẩm OCOP được đưa lên các sàn thương mại điện tử					
-	Số lượng đơn hàng (giao dịch) thành công		100 nghìn giao dịch		Các DN có sàn TMĐT; Sở NN&PTNT	Sở Công Thương; UBND cấp huyện
-	Tổng doanh thu của các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ các sàn TMĐT		7 tỷ đồng		Sở Công Thương;	Các doanh nghiệp có sàn TMĐT

-	Tỷ lệ DN, HTX, hộ gia đình có sản phẩm OCOP được tạo gian hàng số và có TK thanh toán điện tử	100%	100%	100%	Sở Công Thương	Sở NN&PTN; UBND cấp huyện

2. Các mục tiêu khác: *(Phụ lục số 01 kèm theo)*

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Chuyển đổi nhận thức:

a) Chuyển tải đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và người dân, doanh nghiệp trong toàn tỉnh quan điểm của tỉnh về chuyển đổi số, đó là: Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; người dân và doanh nghiệp là mục tiêu, động lực để chuyển đổi số; chuyển đổi số để giải quyết những vấn đề, những khó khăn, bức xúc của người dân, doanh nghiệp; để chuyển đổi số thành công phải có sự vào cuộc của người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân. Trước hết, giúp người dân biết đăng ký và sử dụng định danh điện tử; biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí…); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

c) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch). Trong đó, đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

1.2. Xây dựng thể chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực, tăng cường công tác quản lý:

a) Trình HĐND tỉnh ban hành thống nhất Nghị quyết chung về chính sách hỗ trợ chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng).

b) Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và danh mục các sản phẩm đặc trưng về chuyển đổi số của tỉnh Lào Cai đến năm 2025.

c) Ban hành Quy hoạch phát triển đô thị thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

d) Xây dựng, phê duyệt Đề án nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kiện toàn lại tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện. Xây dựng tiêu chí, xác định vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

đ) Nghiên cứu, đề ra các giải pháp tăng cường công tác quản lý đầu tư, mua sắm, thẩm định giá, quản lý sau đầu tư đối với các dự án công nghệ thông tin.

e) Thường xuyên tiến hành kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số xếp hạng DTI của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

g) Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của toàn tỉnh theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 22/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông và đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh.

1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số:

a) Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông và các tập đoàn viễn thông ưu tiên nguồn lực, thống nhất lộ trình đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng viễn thông, đặc biệt là đối với 20 thôn trắng sóng 2G, 52 thôn trắng sóng 3G, 4G, 323 thông chưa có internet cố định, đẩy nhanh tiến độ phủ sóng 5G đối với các trung tâm kinh tế của tỉnh nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.

b) Triển khai dự án thuê trung tâm dữ liệu tỉnh dựa trên công nghệ điện toán đám mây; triển khai các dịch vụ trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên toàn tỉnh. Từng bước chuyển dữ liệu của các cơ quan, đơn vị về trung tâm dữ liệu của tỉnh và trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp để quản lý tập trung. Kết nối dữ liệu của các cơ quan đảng, nhà nước thông qua mạng số liệu chuyên dùng để đảm bảo ổn định, thông suốt, chủ động, tiết kiệm, hiệu quả, an toàn, an ninh.

c) Xây dựng nền tảng dữ liệu các ngành trọng điểm: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải, Xây dựng; Nông nghiệp; Nội vụ; các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.4. Phát triển chính quyền số:

a) Nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ: Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Triển khai cung cấp thủ tục hành chính của các cơ quan đảng trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

b) Nâng cấp các phần mềm dùng chung theo hướng phát triển thành nền tảng quản trị công việc tổng thể, đăng nhập một lần, cá thể hóa người dùng, liên thông,

đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp không giấy tờ, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ dữ liệu và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ tham mưu, ra quyết định, giảm thiểu tác nghiệp thủ công, giảm thiểu thời gian giải quyết công việc, giảm thiểu giấy tờ, báo cáo.

c) Triển khai hệ thống báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh đáp ứng yêu cầu được thực hiện trực tuyến; có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Khai thác, sử dụng có hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh; các nền tảng, phần mềm chuyên ngành đã đầu tư hoặc đang đi thuê.

1.5. Phát triển kinh tế số, xã hội số:

a) Đẩy nhanh tiến độ cấp định danh điện tử cho công dân và tổ chức. Chủ động điều chỉnh các hệ thống thông tin, phần mềm có sử dụng danh tính điện tử thay thế cho các giấy tờ khác.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, đặc biệt là sử dụng các nền tảng quản trị và kinh doanh. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển thương mại điện tử, đặc biệt là đối với các sản phẩm du lịch, OCOP và các sản phẩm đặc hữu của tỉnh.

c) Hoàn thiện, đưa vào hoạt động có hiệu quả Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, Cổng dịch vụ công cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

d) Chuyển đổi số đồng bộ để Bộ Y tế chứng nhận hoàn thành bệnh án điện tử đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi và Bệnh viện huyện Mường Khương; chuyển đổi số theo lộ trình đối với các cơ sở y tế khác. Hoàn thành việc xây dựng Nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, cơ sở dữ liệu của toàn ngành giáo dục được quản lý tập trung, thống nhất.

đ) Xây dựng mô hình và thực hiện thí điểm chuyển đổi số phường và xã nông thôn mới thông minh.

1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

a) Triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ an ninh mạng và an toàn thông tin mạng theo quy định. Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp.

b) Triển khai giám sát an toàn thông tin tập trung đến hệ thống mạng và máy tính cá nhân của công chức, viên chức. Duy trì, mở rộng phạm vi, quy mô trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

2. Các nhiệm vụ cụ thể: *(Phụ lục số 02 kèm theo)*

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI

(Phụ lục số 03 kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Lào Cai và quyết định của UBND tỉnh về việc giao danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2023-2025 và năm 2023.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì triển khai thực hiện kế hoạch này; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số của tỉnh; ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin sau khi đầu tư.

- Tham mưu trình UBND tỉnh quyết định giao danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2023-2025 và năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nội dung về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Thu thập, tiếp nhận ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người dân trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với Tỉnh đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện, thị xã, thành phố đào tạo hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng, học sinh, sinh viên và các hộ gia đình trên toàn tỉnh về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin, dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các ứng dụng phục vụ công dân của tỉnh.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, đoàn học tập kinh nghiệm để thực hiện tốt việc chuyển đổi số, đặc biệt là trong xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ, đề xuất điều chỉnh, bổ sung bộ chỉ số chuyển đổi số của tỉnh để theo dõi, đánh giá chính xác kết quả, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Đề nghị các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan khối Đảng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí biên chế công chức, viên chức làm nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Triển khai các chương trình đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực quản lý triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

6. Các doanh nghiệp nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp của mình. Thực hiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển thương mại điện tử.

7. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch: Phối hợp với Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các chương trình giới thiệu các nền tảng số, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử; phổ biến, tuyên truyền để các doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực sử dụng và tương tác trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, Cổng dịch vụ công cửa khẩu, Cổng thông tin du lịch.

8. Các cơ quan ngành dọc, hiệp hội doanh nghiệp: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được giao, các đơn vị có trách nhiệm chủ động và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các kế hoạch, hoạt động triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý và được phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

9. Báo Lào Cai, Đài PT-TH, Cổng TTĐT, Cổng chuyển đổi số của tỉnh:

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy sự tham gia doanh nghiệp, của người dân vào quá trình chuyển đổi số, nâng cao sự hài lòng, tạo niềm tin cho nhân dân.

- Ưu tiên tuyên truyền các điển hình, cách làm hay trong chuyển đổi số để phổ biến, nhân rộng ra toàn tỉnh.

- Điều tra, nắm bắt nhu cầu, ý kiến ban đọc, khán, thính giả để có sự kết nối, làm cơ sở đổi mới nội dụng, cải tiến cách thể hiện và bố trí khung giờ phù hợp; gắn kết thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ của Kế hoạch này với Kế hoạch tuyên truyền của tỉnh năm 2023.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Trịnh Xuân Trường

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ban Đảng và đơn vị thuộc Tỉnh ủy;
- Các ban HĐND tỉnh, VPĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, ĐVSN thuộc UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- FPT, VNPT, Viettel Lào Cai;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

Phụ lục số 01

MỘT SỐ MỤC TIÊU KHÁC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÀO CAI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 431/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Mục tiêu năm 2023	Chủ trì	Phối hợp
I	**Về xây dựng chính quyền số**			
1	Kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cơ quan Đảng, Nhà nước.	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan khối đảng, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
2	Tỷ lệ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh chuyển đổi sang địa chỉ IPv6.	30%	Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet
3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	95%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	90%	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.	5%	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có sự tham gia cung cấp của đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.	70%	Các sở ban ngành	Sở Thông tin và Truyền thông; Các cơ quan, tổ chức có liên quan
7	Tỷ lệ cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ 24/7.	100%	Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	70%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.	10%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; Các sở ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
II	**Về phát triển kinh tế số và xã hội số**			

1	Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.	20%	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông
2	Tỷ lệ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử được đưa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	100%	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Tỷ lệ các dịch vụ công thiết yếu do doanh nghiệp cung cấp (điện, nước, vệ sinh môi trường,...) được tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công của tỉnh.	100%	Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công	UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ hạ tầng viễn thông đầu tư mới tại các khu vực đô thị được chia sẻ dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông.	100%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ dân số trên địa bàn tỉnh được đào tạo, hướng dẫn các kỹ năng số cơ bản và tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh thông qua thiết bị di động thông minh.	25%	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lào Cai, Sở Thông tin và Truyền thông
6	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh và các thôn, bản, tổ dân phố có cụm loa phát thanh hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn.	100%	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Tỷ lệ cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố được tập huấn, nâng cao trình độ nghiệp vụ.	80%	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố đọc được báo, xem được truyền hình và nghe được phát thanh của tỉnh trên thiết bị thông minh.	70%	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm, được tiếp cận các khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.	50%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố

./.

Phụ lục số 02

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÀO CAI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 431 /KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
I	**Chuyển đổi nhận thức**				
1	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Tổ chức 09 khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các huyện thị, xã, thành phố.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Quý II, III
		Tổ chức 02 khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, địa phương.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II, III
		Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch)	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
2	Tổ chức các hội thảo về chuyển đổi số.	Tổ chức hội thảo chuyển đổi số của tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II, III
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT.	Sở GD&ĐT	Sở TT&TT	
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế.	Sở Y tế	Sở TT&TT	
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số cho doanh nghiệp.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Sở KH&ĐT, Sở TT&TT	
3	Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân.	Giúp người dân biết đăng ký và sử dụng định danh điện tử; biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống: y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí…; biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh đoàn, Sở TT&TT, các doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên

4	Đào tạo, tập huấn kỹ năng số ở các cấp học, cơ sở đào tạo, hướng tới phổ cập kỹ năng số trong xã hội. Cung cấp học liệu, công cụ cho phép người dân sử dụng miễn phí để tự học các kỹ năng số.	Đưa Chương trình phổ biến kiến thức về chuyển đổi số vào các trường đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh nhằm mục tiêu lan tỏa tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.	Các trường chuyên nghiệp, dạy nghề	Sở GD&ĐT	Thường xuyên
		Xây dựng kho học liệu, nền tảng học trực tuyến đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập suốt đời của người dân.	Sở Giáo dục và Đào tạo		
5	Tăng cường công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Duy trì thường xuyên chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh, xây dựng cuộc thi về chuyển đổi số trên Đài PTTH tỉnh.	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh trên Báo Lào Cai.	Báo Lào Cai	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh trên các cổng, trang thông tin điện tử.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thực hiện liên kết, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh với Cổng TTĐT, Cổng thông tin đối ngoại của tỉnh.	Sở TT&TT	Báo, Đài PTTH, VPUBND tỉnh	Quý I
		Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục hàng tuần về chuyển đổi số.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	.	Thường xuyên
6	Phổ biến nội dung cuốn tài liệu Cẩm nang chuyển đổi số đăng tải tại địa chỉ: https://dx.mic.gov.vn đến tới CBCCVC, HSSV và người dân		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
II	**Xây dựng thể chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực, tăng cường công tác quản lý**				
1	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông. Kiện toàn lại tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của	Kiện toàn tổ chức và bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông.	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý I
		Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý I

	Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố. Xây dựng tiêu chí, xác định vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Thành lập Tổ chuyên gia chuyển đổi số.	Hướng dẫn thực nhiệm vụ về chuyển đổi số cho UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở TT&TT	Sở Nội vụ	Quý I
		Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ, Sở TT&TT	Quý II
		Xây dựng tiêu chí, xác định vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý II
		Thành lập tổ chuyên gia với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu về chuyển đổi số.	Sở TT&TT		Quý II
2	Trình HĐND tỉnh chính sách hỗ trợ chuyển đổi số.	Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020.	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý I
		Chính sách hỗ trợ người dân một phần phí, lệ phí trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.	Sở Tài chính	Sở TT&TT	Quý I
		Chính sách hỗ trợ chuyển đổi số đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX, Sở TT&TT	Quý III
3	Trình UBND tỉnh ban hành các quyết định, kế hoạch trung và dài hạn về chuyển đổi số.	Triển khai phương án phát triển thông tin và truyền thông tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II
		Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
		Quy hoạch phát triển đô thị thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở GTVTXD	Sở TT&TT	Quý II
		Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
		Danh mục các sản phẩm đặc trưng về chuyển đổi số của tỉnh Lào Cai đến năm 2025.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I

		Danh mục dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025.	Sở TT&TT	Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	Quý I
4	Ban hành quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông rà soát ban hành quy định, quy chế đối với các nền tảng, cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Ban hành cùng với thời điểm đưa vào vận hành *(đối với các HTTT đã đưa vào vận hành thì thực hiện trong quý II, III)*
		Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát ban hành quy định, quy chế cho các cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin do đơn vị mình chủ trì khai thác, quản lý.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương		
5	Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với một số đối tượng: doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân (trong sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, thanh toán điện tử, an toàn thông tin,…).	Xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với một số đối tượng: doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
6	Tăng cường hợp tác về chuyển đổi số.	Chủ động hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các sở, ngành, địa phương ngoài tỉnh có sản phẩm tốt, cách làm hay về chuyển đổi số.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
		Hợp tác với các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin để triển khai các công nghệ, nền tảng hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội kinh doanh của tỉnh chuyển đổi số.	Sở TT&TT	Hiệp hội DN, Hiệp hội Du lịch, Liên minh HTX	Thường xuyên
		Cụ thể hóa chương trình hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin về chuyển đổi số bằng các sản phẩm, công việc cụ thể.	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP, các doanh nghiệp VT-CNTT	Thường xuyên
7	Tăng cường công tác quản lý đầu tư, mua sắm, thẩm định giá, quản lý sau đầu tư đối với các dự án công nghệ thông tin.		Sở TT&TT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thường xuyên

8	Thanh tra, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan, đơn vị, địa phương.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
9	Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của toàn tỉnh theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 22/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông và đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh.		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
10	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2023.	Theo các nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương tại Phụ lục số 03 đính kèm Kế hoạch này.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
III	**Phát triển hạ tầng số, nền tảng số**				
1	Làm việc, đề nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông, các tập đoàn viễn thông ưu tiên nguồn lực, thống nhất lộ trình đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng viễn thông, đặc biệt là đối với 20 thôn trắng sóng 2G, 52 thôn trắng sóng 3G, 4G, 323 thông chưa có internet cố định, đẩy nhanh tiến độ phủ	Kế hoạch đầu tư hạ tầng viễn thông giai đoạn 2023 - 2025.	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp viễn thông	Quý I

	sóng 5G đối với các trung tâm kinh tế của tỉnh nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.				
2	Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng bưu chính, viễn thông.	Hỗ trợ, tạo điều kiện về các thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, hạ tầng đô thị, đầu mối điều phối các hoạt động...	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điện lực Lào Cai	Thường xuyên
3	Triển khai dự án thuê trung tâm dữ liệu tỉnh dựa trên công nghệ điện toán đám mây.	Xây dựng kế hoạch thuê dịch vụ CNTT trung tâm dữ liệu tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I, II
4	Đề xuất xây dựng, thuê kho dữ liệu.	Đề xuất chủ trương đầu tư.	Sở TT&TT		Quý II
5	Phát triển hạ tầng mạng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hệ thống chính trị làm nền tảng phục vụ cho chuyển đổi số.	Thuê dịch vụ CNTT mạng TSLCD trên toàn tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Các doanh nghiệp bưu chính thực hiện duy trì 100% điểm phục vụ bưu chính có kết nối băng rộng cố định.	Các DN bưu chính	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông năm 2023.	Các DN viễn thông	Sở TT&TT	Quý I
		Xây dựng và triển khai kế hoạch hạ ngầm và gọn hóa hạ tầng viễn thông năm 2023.	Sở GTVT - Xây dựng	Các DN viễn thông, Sở TT&TT	Quý I
		Triển khai chính sách viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.	Sở TT&TT	Sở Y tế, Sở GD&ĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, các DN viễn thông	Thường xuyên

6	Phát triển hạ tầng CNTT toàn diện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Trang bị máy tính cho 100% CBCC tại CQNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	Các CQ, ĐV, ĐP		Thường xuyên
		Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trên địa bàn tỉnh năm 2023.	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP, các doanh nghiệp VT-CNTT	Quý I
7	Xây dựng, phát triển, ứng dụng các nền tảng số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nền tảng dịch vụ dùng chung, dữ liệu dùng chung, định danh, xác thực điện tử, thanh toán điện tử, giám sát an toàn, an ninh mạng,…	Nâng cấp và phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh thành nền tảng chính quyền số (Digital Government Platform), gồm các thành phần: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); nền tảng đô thị thông minh (SCP).	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các CSDL của quốc gia và các bộ ngành TW đã công bố, chia sẻ.	Sở TT&TT		
		Kết nối nền tảng định danh và xác thực điện tử; kết nối nền tảng hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến.	Sở TT&TT		
8	Triển khai ứng dụng IoT trong quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.	Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty Điện lực Lào Cai nghiên cứu triển khai trong lĩnh vực Điện.	Công ty Điện lực Lào Cai;	Sở Công Thương	Thường xuyên
		Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nghiên cứu triển khai trong lĩnh vực cấp nước.	Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty cổ phần môi trường đô thị tỉnh Lào Cai nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường đô thị.	Công ty cổ phần môi trường đô thị tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - XD	
9	Triển khai một số cơ sở dữ liệu, nền tảng số cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm, như: các cơ quan Đảng, các ngành y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa và du lịch, tài nguyên và môi trường, giao	Chuyển đổi số đồng bộ để Bộ Y tế chứng nhận hoàn thành bệnh án điện tử đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi và Bệnh viện Mường Khương.	Các bệnh viện: Đa khoa tỉnh, Sản - Nhi, Mường Khương.	Sở Y tế, Sở TT&TT	Quý II
		Triển khai CSDL ngành Y tế và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở Y tế	Sở TT&TT	Quý III

	thông vận tải - xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn...	Triển khai CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL Khối Đảng, MTTQ, các đoàn thể và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Du lịch và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở Du lịch	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Tài nguyên và Môi trường và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở TN&MT	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Giao thông vận tải - Xây dựng và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở GTVT-XD	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Nông nghiệp và PTNT và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TT&TT	Quý III
IV	**Xây dựng chính quyền số**				
1	Triển khai dịch vụ công mức trực tuyến toàn trình cho các thủ tục hành chính đủ điều kiện, thanh toán trực tuyến, hóa đơn điện tử. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.	Xây dựng kế hoạch triển khai dịch vụ công tỉnh Lào Cai	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
		Nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh, trong đó ưu tiên nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nghiên cứu, triển khai triển khai Trợ lý ảo để người dân để người dân tìm hiểu, tra cứu về TTHC.	VPUBND tỉnh	Sở TT&TT	Quí I

		Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.	VP UBND tỉnh	Các CQ, ĐV, ĐP	Quý I
		Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Các CQ, ĐV, ĐP	VP UBND tỉnh	Thường xuyên
		Xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ để tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.	Sở TT&TT, VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo kế hoạch đã ban hành
		Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	VPUBND tỉnh, Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý IV
2	Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến các cơ quan đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Triển khai cung cấp thủ tục hành chính của các cơ quan đảng trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.		Văn phòng Tỉnh ủy	Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Sở TT&TT	Quý II
3	Nâng cấp các phần mềm dùng chung theo hướng phát triển thành nền tảng quản trị công việc tổng thể, đăng nhập một lần, cá thể hóa người dùng, liên thông, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp không giấy tờ, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ dữ liệu và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. CBCCVC sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ tham mưu, ra quyết định, giảm thiểu tác nghiệp thủ công, giảm thiểu		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I, II

	thời gian giải quyết công việc, giảm thiểu giấy tờ, báo cáo.				
4	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
5	Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng, phần mềm chuyên ngành đã đầu tư hoặc đang đi thuê.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
6	Phát triển hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Chính phủ, phục vụ chỉ đạo điều hành thông suốt của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, đến cấp xã theo hướng không dùng báo cáo giấy, trao đổi dữ liệu theo thời gian thực.	Xây dựng kế hoạch triển khai	Sở TT&TT	Các CQ,ĐV,ĐP	Quý I
		Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh	Sở TT&TT	Các CQ,ĐV,ĐP	Quý I
		Kết nối chia sẻ dữ liệu hệ thống thông tin báo cáo các chỉ tiêu kinh tế xã hội dùng chung của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở TT&TT	Sở KH&ĐT	Quý I
		Cập nhật các loại báo cáo trên hệ thống	Các CQ,ĐV,ĐP	Sở TT&TT	Thường xuyên
7	Triển khai các hoạt động giám sát, kiểm tra trên môi trường mạng đối với các hoạt động thanh, kiểm tra tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thanh tra tỉnh	Thường xuyên
8	Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (ngoài các quy trình giải quyết thủ tục hành chính) để từng bước số hóa các quy trình nghiệp vụ, phục vụ chuyển đổi số.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên

9	Triển khai hệ thống thông tin họp không giấy tờ. Tích hợp với phần xin ý kiến các thành viên UBND tỉnh.	- Nâng cao nhận thức chuyển đổi số và tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm tài liệu họp đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. - Triển khai Hệ thống thông tin họp và xử lý công việc của UBND tỉnh. - Áp dụng tất cả các cuộc họp trên phần mềm tài liệu họp. - Sản phẩm: phần mềm Tài liệu họp	VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I, Quý II
10	Cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp; Cung cấp các kênh tương tác trực tuyến phục vụ xã hội, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.	Nâng cấp Cổng TTĐT có cho phép người dân, doanh nghiệp giao tiếp trực tuyến theo thời gian thực với CQNN; Cổng TTĐT có các tính năng về mạng xã hội.	VPUBND tỉnh		Quý I
		Duy trì cung cấp thông tin, trả lời hỏi đáp trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.	VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thí điểm tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp bằng hình thức trực tuyến.	VPĐoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Cung cấp thông tin về các cuộc họp công khai của Hội đồng nhân dân.	VPĐoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
11	Đề xuất triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.		Sở TT&TT		Quý II
12	Triển khai Hệ thống chấm vân tay và quản lý xin nghỉ của cán bộ CCVC, người lao động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công		VPUBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Quý II
13	Triển khai phần lưu trữ điện tử của Văn phòng UBND tỉnh	- Khi triển khai phần mềm lưu trữ điện tử sẽ tối ưu được việc lưu trữ. Tất cả các tài liệu hồ sơ sẽ đều được số hóa và lưu trữ nên việc quản lý, tổng hợp, báo cáo và tìm kiếm dữ liệu sẽ trở nên dễ dàng.	VPUBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	Quý I

		- Quản lý việc mượn trả tài liệu, hồ sơ cũng sẽ được quản lý và tối ưu thời gian. - Quản lý việc hủy hồ sơ, và tài liệu hết hạn cũng trở nên dễ dàng. - Quản lý hồ sơ, tài liệu chuyển sang chi cục văn thư lưu trữ cũng đơn giản hơn vì có thể chuyển trực tiếp trên phần mềm.			
V	**Phát triển kinh tế số, xã hội số**				
1	Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số năm 2023.	Nội dung tập trung về hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, đặc biệt là sử dụng các nền tảng quản trị và kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX, Hiệp hội DN, Hiệp hội DL, Sở TT&TT	Quý I
2	Đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Thường xuyên
3	Đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả Cổng dịch vụ công cửa khẩu.		Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị quản lý cửa khẩu	Thường xuyên
4	Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch đưa hàng hóa lên sàn thương mại điện tử năm 2023.		Sở Công Thương	Sở NN&PTNN, Sở Du lịch, Sở TT&TT, UBND cấp huyện	Quý I
5	Khai thác, sử dụng có hiệu quả Cổng du lịch thông minh.		Sở Du lịch	UBND cấp huyện	Thường xuyên
6	Triển khai Nền tảng dữ liệu số về du lịch.		Sở Du lịch	Sở TT&TT	Thường xuyên
7	Chuyển đổi số cho các chợ: Cốc Lếu (thành phố Lào Cai); Sa Pa; Bắc Hà gắn với xây dựng chợ văn minh.		UBND thị xã Sa Pa, TP Lào Cai, huyện Bắc Hà	Sở TT&TT; Sở Công Thương; Sở NN&PTNT;…	Thường xuyên

8	Triển khai ứng dụng App công dân (công dân số) trên phạm vi toàn tỉnh và tích hợp các dịch vụ thiết yếu vào cổng dịch vụ công của tỉnh và ứng dụng App công dân (công dân số Lào Cai).		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
9	Triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường.		UBND thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa	Sở TT&TT	Thường xuyên
10	Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp.	Xây dựng kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp.	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Lào Cai	Sở TT&TT; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I
		Tuyên truyền, truyền thông cho nhân dân, trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban, ngành	Sở TT&TT	Thường xuyên
11	Tạo lập, số hóa cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ khai thác của người dân, tổ chức, DN.		Sở TN&MT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
12	Công khai thông tin quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị trên mạng để hỗ trợ tra cứu thông tin.		Sở GTVTXD	UBND cấp huyện	Thường xuyên
13	Xây dựng và triển khai kế hoạch đưa đoàn viên thanh niên trở thành lực lượng tiên phong trong chuyển đổi số.		Tỉnh Đoàn	Sở TT&TT; UBND cấp huyện	Quý I

14	Triển khai định danh và xác thực điện tử, danh tính số để hình thành công dân số.		Công an tỉnh	Sở TT&TT; UBND cấp huyện	Thường xuyên
15	Chuyển đổi số lĩnh vực y tế, giáo dục	Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi số ngành y tế năm 2023.	Sở Y tế	Sở TT&TT	Quý I
		Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2023.	Sở GD&ĐT	Sở TT&TT	Quý I
		Triển khai cho Trường học, bệnh viện có cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Y tế, Sở GD&ĐT	Sở TT&TT; UBND cáp huyện	Thường xuyên
		Triển khai dịch vụ cho người bệnh, học sinh sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Y tế, Sở GD&ĐT	Sở TT&TT; UBND cáp huyện	Thường xuyên
		Triển khai sổ liên lạc điện tử cho trường học, cơ sở giáo dục.	Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
		Triển khai cho học sinh, sinh viên có học bạ điện tử.	Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
		Triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho các bệnh viện: Đa khoa tỉnh; Sản nhi; Đa khoa huyện Mường Khương đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ theo Thông tư số 54/2017/TT-BYT của Bộ Y tế.	Sở Y tế	Sở TT&TT; các các BV (Đa khoa tỉnh; Sản nhi; Đa khoa huyện Mường Khương)	Quý III
16	Xây dựng mô hình chuyển đổi số.	Thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa lựa chọn triển khai ở mỗi địa phương 01 phường thông minh.	UBND TP Lào Cai, thị xã Sa Pa	Sở TT&TT, Sở GTVT-XD	Quý I
		Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu 01 xã triển khai chuyển đổi số xã nông thôn mới.	Các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT, Sở NN&PTNT	Quý I
VI	**Đảm bảo an toàn, an ninh mạng**				
1	Phát triển hệ thống trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối với Trung tâm Giám sát	Thuê dịch vụ Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC).	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.			

	an toàn không gian mạng quốc gia. Thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin, an ninh mạng tập trung trên toàn tỉnh, theo mô hình 4 lớp.	Thực hiện duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).			
		Sát hạch năng lực công chức, viên chức làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.			
		Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương			
		Triển khai có hiệu quả mô hình đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp trên địa bàn tỉnh.			
2	Thực hiện đánh giá, phê duyệt cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh.	Thực hiện các chương trình hỗ trợ, nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Thực hiện xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
3	Nâng cao năng lực, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo an toàn thông tin.	Tổ chức diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số năm 2023.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Quý III
		Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho CCVC làm chuyên trách, phụ trách CNTT trên toàn tỉnh.			
		Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác với Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II, III
		Triển khai các nội dung hợp tác, trong đó có nội dung hỗ trợ về an toàn thông tin với các Tập đoàn, tổng công ty có ký kết hợp tác với tỉnh.			
		Triển khai hỗ trợ, nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho CCVC trên địa bàn 02 đơn vị cấp huyện.			Quý III
		Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức đảm bảo an toàn thông tin cho các đơn vị sở, ngành của tỉnh.			Quý II

		Tổ chức, tham gia diễn tập đảm bảo an toàn thông tin theo chương trình của Bộ TT&TT và mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia.			Thường xuyên
		Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.			Thường xuyên

./.

Phụ lục số 03

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI TỈNH LÀO CAI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 431 /KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Mục tiêu 2022	Mục tiêu 2023	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	**Nhận thức số**	**100**								
1	Người đứng đầu tỉnh (Bí thư Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh.	10	10	10	10	Tham mưu, đôn đốc triển khai Kế hoạch hoạt động ban chỉ đạo chuyển đổi số. Duy trì họp Ban chỉ đạo CĐS thường kỳ theo kế hoạch.	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo CĐS	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng UBND tỉnh, Sở TT&TT	Thường xuyên
2	Người đứng đầu tỉnh (Bí thư Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh) chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số.	10	10	10	10		Giấy mời họp Ban chỉ đạo CĐS			
3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu tỉnh, thành phố (Chủ tịch UBND tỉnh) ký.	10	5	10	10	Rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh đầy đủ các văn bản chỉ đạo chuyên đề theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông phù hợp với tình hình của tỉnh.	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về CĐS do Chủ tịch UBND tỉnh ký	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh	31/12/2023
4	Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Đặt hàng, duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số trên Cổng chuyển đổi số của tỉnh.	chuyendoiso.laocai.gov.vn	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
5	Cổng thông tin điện tử của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	laocai.gov.vn	Văn phòng UBND tỉnh	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
6	Cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số trên chuyên mục chuyển đổi số Báo Lào Cai điện tử.	baolaocai.vn	Báo Lào Cai	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
7	Đài Phát thanh - Truyền hình của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số trên chuyên mục chuyển đổi số trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và laocaitv.vn.	laocaitv.vn	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

8	Tần suất Đài Phát thanh - Truyền hình của tỉnh phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Duy trì tần suất tối thiểu 1 tuần/1 lần.	Báo cáo tổng hợp chuyên mục chuyển đổi số số hàng năm	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh		Thường xuyên
9	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	0	10	10	Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở	Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên
10	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	0	10	10	Định kỳ phát sóng hàng tuần chuyên mục chuyển đổi số.	Báo cáo của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên
						Đưa các chỉ số về truyền thanh cơ sở vào bộ chỉ số DTI cấp huyện.	Quyết định ban hành bộ chỉ số DTI Lào Cai	Sở TT&TT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
II	**Thể chế số**	**100**								
1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của tỉnh.	5	5	5	5	Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại Lào Cai theo từng giai đoạn.	Đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số	Sở TT&TT		Đã xây dựng
2	Kế hoạch hành động 5 năm của tỉnh về chuyển đổi số.	5	5	5	5		Kế hoạch, chương trình về chuyển đổi số đến 2025			Đã xây dựng
3	Kế hoạch hành động hàng năm của tỉnh về chuyển đổi số.	10	10	10	10		Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Lào Cai hàng năm			Thường xuyên
4	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.	10	10	10	10	Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại Lào Cai theo từng giai đoạn.	Quyết định phê duyệt kiến trúc Chính quyền điện tử	Sở TT&TT		Đã xây dựng
5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.	10	10	10	10	Đẩy mạnh tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm về chuyển đổi số; phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử và công tác chi cho chuyển đổi số.	Kế hoạch tổ chức hội nghị, bồi dưỡng về chuyển đổi số năm 2023	Sở TT&TT		Thường xuyên
6	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	10	0	10	10	Tham mưu ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Văn bản của UBND tỉnh	Sở TT&TT	Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	30/09/2023

7	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số	10	0	10	10	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số	Kế hoạch tổ chức hội nghị, bồi dưỡng tập huấn hoặc lồng ghép với KH 2.5	Sở TT&TT	Sở Tài chính	30/10/2023
8	Ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số.	10	0	10	10	Tham mưu ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số.	Nghị quyết 20-NQ/TU	Sở TT&TT	Sở Tài chính	Đã thực hiện
9	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.	10	0	10	10	Tham mưu ban hành chính sách thuê chuyên gia chất lượng cao.	Bổ sung, sửa đổi Nghị quyết 11/2020/NQ-HĐND	Sở Nội vụ		28/02/2023
10	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT).	10	0	10	10	Rà soát, đề xuất phương án giảm mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến.	Nghị quyết của HĐND tỉnh về giảm phí, lệ phí thực hiện dịch vụ công trực tuyến	Sở Tài Chính	Các ĐV có TTHC thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh	31/03/2023
11	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	10	0	0	0	Tham mưu ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TT&TT	31/05/2023
III	**Hạ tầng số**	**100**								
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	10	6,8	7	8	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xóa các cùng lõm sóng 3G, 4G đảm bảo 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được phủ Internet băng rộng di động.	Báo cáo điều tra, khảo sát	Sở TT&TT	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	31/05/2023
2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh.	10	8,6	8,8	9					
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang.	10	5,2	6	6					
4	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng.	10	0	10	10	Đẩy nhanh tiến độ triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% UBND cấp xã trong năm 2022.	Quyết định phê duyệt KH thuê dịch vụ CNTT. Báo cáo tiến độ triển khai gửi Cục Bưu điện TU – Bộ TT&TT	Sở TT&TT		Thường xuyên
5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.	30	7,5	15	25	Triển khai nâng cấp Trung tâm dữ liệu kết hợp với thuê trung tâm dữ liệu đảm bảo đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ TTTT, tiến hành kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ ngay sau khi có hướng dẫn của Bộ TTTT.	Quyết định phê duyệt dự án đầu từ/thuê trung tâm dữ liệu	Sở TT&TT		30/06/2023

6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung.	20	7,6	13	15	Nghiên cứu, đề xuất tham mưu triển khai các nền tảng số (theo QĐ 186/QĐ-BTTTT) phù hợp với điều kiện thực tế tại Lào Cai.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số.	10	0	2	2	Nghiên cứu, đề xuất thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào ít nhất 1 nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung.	Cổng dịch vụ công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	31/03/2023
IV	**Nhân lực số**	**100**								
1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã.	10	0	10	10	Đôn đốc thành lập tổ công nghệ số cộng cấp thôn, tổ dân phố.	Báo cáo tổng hợp hoạt động tổ công nghệ số cộng đồng	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	Sở TT&TT	31/10/2023
2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn.	10	0	10	10					
3	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.	10	0	10	10	Tham mưu kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, bổ sung các nhiệm vụ về chuyển đổi số và phân công bộ phận thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Thường xuyên
4	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số.	10	0	10	10					
5	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số.	10	0	2	8	Rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách và kiêm nghiệm chuyển đổi số, an toàn thông tin.	Báo cáo tổng hợp nguồn nhân lực CNTT, Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2023	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	15/12/2023
6	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng.	10	0,4	0,5	5					
7	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.	10	10	10	10	Tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức.				
8	Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số.	5	2,5	5	5	Nghiên cứu thành lập khoa CNTT, tuyển sinh đào tạo hệ Cao đẳng CNTT trở lên tại Trường Cao đẳng Lào Cai.	Quyết định thành lập khoa hoặc có KH tuyển sinh (có truyền sinh Cao đẳng CNTT)	Trường Cao đẳng Lào Cai		Thường xuyên
9	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số.	5	0				Báo cáo tổng hợp của Trường CĐ Lào Cai và Phân hiệu đại học Thái Nguyên tại Lào Cai.	Trường Cao đẳng Lào Cai; Phân hiệu ĐH TN tại Lào Cai	Sở TT&TT	30/11/2023

10	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số.	5	0		2	Rà soát, đề xuất phương án nâng cao tỷ lệ, tổng hợp số liệu.	Báo cáo tổng hợp số liệu	Sở LĐ,TB&XH	Sở TT&TT, Cục T.Kê	31/05/2023
11	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch.	5	0		3	Hướng dẫn, cung cấp tài liệu đào tạo, phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc Bộ TTTT hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố vận động thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, người dân tham gia các khóa đào tạo trực tuyến trên nền tảng OneTouch do Bộ TTTT chủ trì.	Số liệu tổng hợp trên hệ thống OneTouch của Bộ TT&TT	Sở TT&TT	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	Thường xuyên
12	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	0	2,5	2,5	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Quyết đinh 1634/QĐ-UBND: Hoàn thiện mô hình chuyển đổi số: hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023	Trường Cao đẳng Lào Cai, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai	Sở TT&TT	31/12/2023
13	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	0	2,5	2,5		Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	31/12/2023
V	**An toàn thông tin mạng**	**100**								
1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ.	10	7,4	10	10	Ban hành văn bản chỉ đạo, giao các ngành, địa phương hoàn thành 100% phê duyệt cấp độ ATTT cho các hệ thống thông tin trong năm 2022.	Quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT của các HTTT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	30/06/2023
2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.	10	0	10	10		Quyết định phê duyệt phương án đảm bảo ATTT theo cấp độ	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	30/06/2023
3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn	10	0	5	10	Kết nối phần mềm phòng chống mã độc cho máy chủ tại trung tâm dữ liệu với NCSC. Triển khai phần mềm phòng,	Số liệu từ hệ thống giám sát tập trung NCSC của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

	không gian mạng quốc gia (NCSC).					chống mã độc tập trung cho các cơ quan nhà nước.				
4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phần mềm chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	10	0	5	10					
5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc.	5	5		5	Tiếp tục duy trì trung tâm giám sát ATTT (SOC) của tỉnh, mở rộng đối tượng giám sát các HTTT quan trọng ngoài trung tâm dữ liệu.	Số liệu từ hệ thống giám sát tập trung NCSC của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT		Thường xuyên
6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	10	0	5	10					
7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.	10	0	10	10	Tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ các hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ.	Kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	Thường xuyên
8	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.	5	0	5	5			Sở TT&TT		Thường xuyên
9	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai.	5	5	5	5	Tổ chức diễn tập ATTT năm 2023.	Kế hoạch diễn tập	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	10/10/2023
10	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước.	5	0	2,5	5	Tổ chức hoạt động tổ ứng cứu sự cố mất ATTT trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo định kỳ, Báo cáo theo sự cố (gửi cơ quan điều phối quốc gia) điểm c,d khoản 1, điều 6 TT 20/2017/TT-BTTTT	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	Thường xuyên
11	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước.	5	0	2,5	5					
12	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT).	15	6,4	7	10	Phần bổ kinh phí chi cho ATTT tối thiểu 10% chi cho chuyển đổi số.	Báo cáo tổng hợp kinh phí chi cho ATTT năm 2022	Sở Tài chính	Sở TT&TT	10/02/2024

VI	**Hoạt động chính quyền số**	**200**								
1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	10	0	10	10	Triển khai nâng cấp Cổng thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Chương II).	Laocai.gov.vn Văn bản yêu cầu nâng cấp và biên bản nghiệm thu nâng cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
2	Triển khai Cổng dữ liệu mở.	5	0		5	Xây dựng/thuê Hệ thống thông tin kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Lào Cai.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê	Sở TT&TT		31/07/2023
3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	10	2	10	10	Triển khai nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Chương III).	dichvucong.laocai.gov.vn Văn bản yêu cầu nâng cấp và biên bản nghiệm thu nâng cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
4	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT.	5	5	5	5	Tiếp tục duy trì fanpage của UBND tỉnh trên mạng xã hội facebook và kênh Zalo hành chính công.	https://www.facebook.com/ubndtlc Zalo "Cổng hành chính công Lào Cai"	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
5	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.	5	5	5	5					
6	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).	5	2,2	2,5	2,5	Triển khai kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (kết nối các dữ liệu dùng chung của tỉnh).	Dữ liệu tổng hợp từ LGSP của tỉnh	Sở TT&TT		Thường xuyên
7	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh.	10	4	5	5	Triển khai kết nối các dịch vụ NDXP với LGSP của tỉnh, kết nối các ứng dụng có dữ liệu dùng chung với LGSP theo lộ trình.	Dữ liệu tổng hợp từ NDXP	Sở TT&TT		Thường xuyên

8	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình.	10	10	10	10	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.	Báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023	Sở Nội vụ, Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
9	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin.	10	10	10	10		Báo cáo tổng hợp số liệu từ hệ thống cổng dịch vụ công tỉnh			
10	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa.	10	0	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.3.				
11	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến.	10	8,3	8,5	8,5	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
12	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.	20	4,1	12,5	15					
13	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT toàn trình trong năm.	5	3.1	4	4	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
14	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT.	5	0	4	4	Thực hiện nhiệm vụ 6.3. Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
15	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.	10	0	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.6.				
16	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước.	10	0	0	10	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp.		Sở TT&TT		Thường xuyên
17	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân.	10	0	10	10	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Lào Cai đáp ứng yêu cầu theo Quyết định 157/QĐ-BTTTT.	Báo cáo của nhà cung cấp dịch vụ về thực trạng và khả năng cung cấp dịch vụ HNTH năm 2022	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
18	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước.	10	0	10	10	Hoàn thiện chức năng Trung tâm IOC, tích hợp giám sát các CSDL, ứng dụng dùng chung.	Số liệu cung cấp trên hệ thống IOC của tỉnh	Sở TT&TT		Thường xuyên
19	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.	10	0	10	10	Thí điểm triển khai nền tảng trợ lý ảo tích hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Có ứng dụng AI).	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê/thí điểm	Văn phòng UBND tỉnh		31/03/2023

20	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.	10	0	0	5	Nghiên cứu giải pháp triển khai năm 2023.		Sở TT&TT		Thường xuyên
21	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.	10	0	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.19.		Các sơ quan, đơn vị, địa phương		
22	Tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số.	10	2,5	10	10	Cân đối ngân sách chi cho chuyển đổi số toàn tỉnh tối thiểu 1% cho chuyển đổi số (Nghị quyết 20-NQ/TU).	Báo cáo tổng hợp chi cho Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2022	Sở Tài chính	Sở TT&TT	10/02/2024
VII	**Hoạt động kinh tế số**	**150**								
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.	20	5,4				Báo cáo Tổng hợp số liệu Kinh tế số	Cục Thống kê		31/01/2024
2	Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT).	20	1,8				Tổng hợp số liệu Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư		31/01/2024
3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số.	10	2,9							
4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx.	20	5,4				Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát	Sở TT&TT		31/01/2024
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	10	3,7				Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát	Sở TT&TT		
6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	10	0				Báo cáo tổng hợp tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Sở Công Thương		31/01/2024
7	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử.	10	5,3	9,5	9,5		Báo cáo tổng hợp Doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Cục thuế Lào Cai		31/01/2024
8	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định.	10	10	10	10		Vụ Bưu chính - BTT&TT cung cấp	Sở TT&TT		
9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart.	10	0,2	2	5	Triển khai Kế hoạch 270/KH-UBND ngày 3/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Lào Cai lên sàn thương mại điện tử giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022.	Báo cáo kết quả thực hiện của Bưu điện Lào Cai và Bưu chính Viettel Lào Cai	Sở TT&TT		31/01/2024

10	Số lượng tên miền .vn.	10	0				VNNIC cung cấp trên hệ thống quản lý tên miền quốc gia	Sở TT&TT		31/01/2024
11	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho kinh tế số.	10	0				Báo cáo tổng hợp kinh phí đầu tư từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Kế hoạch và Đầu tư		31/01/2024
12	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho kinh tế số.	10	0,4				Báo cáo tổng hợp kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Tài chính		10/02/2024
VIII	**Hoạt động xã hội số**	**150**								
1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử.	20	0		10	Triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai thực hiện Đề án phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Báo cáo tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch 67/KH-UBND	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	31/01/2024
2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.	20	0		15		Báo cáo tổng hợp số liệu tài khoản giao dịch ngân hàng trên địa bàn tỉnh năm 2022	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Lào Cai		31/01/2024
3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	20	0		2		Viện Chiến lược - Bộ TT&TT cung cấp	Sở TT&TT		31/01/2024
4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình).	20	19,9		20		Viện Chiến lược - Bộ TT&TT cung cấp; Báo cáo của Bưu điện tỉnh	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	31/01/2023
5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	10	3,1		5		Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát	Cục Thống kê		31/01/2024
6	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.	20	0		10		Báo cáo tổng hợp kinh phí đầu tư từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Kế hoạch và Đầu tư		31/01/2024

7	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.	20	0		10		Báo cáo tổng hợp kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Tài chính		31/01/2024
8	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.	20	0		10	Triển khai thí điểm, đánh giá hiệu quả nền tảng phản ánh hiện trường tại thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai.	Báo cáo kết quả triển khai năm 2022	UBND thị xã, Sa Pa ; UBND TP Lào Cai		31/01/2024
						Triển khai app công dân tích hợp các công cụ hỗ trợ, giao tiếp với chính quyền.	Báo cáo kết quả triển khai năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông		31/01/2024
						Nâng cấp chuyên mục hỏi đáp đáp cho phép người dùng đánh giá sự hài lòng của cơ quan trả lời.	hoidap.laocai.gov.vn	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên

./.